TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 18/2025/QĐST-VDS	*Bắc Ninh, ngày 04 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – BẮC NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Thuỷ.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hải Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên họp: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-VDS ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc: "*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 16/2025/QĐST-VDS ngày 17 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên họp số 05/QĐST-VDS ngày 25 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ dân phố 5, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố 5, phường Y, tỉnh Bắc Ninh). (Có đơn xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Vũ Thị N, sinh năm 1969; nơi cứ trú cuối cùng: thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, biên bản ghi lời khai, người yêu cầu ông Lê Văn M trình bày: Ông và bà Vũ Thị N, sinh năm 1969; nơi cư trú cuối cùng thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang kết hôn ngày 15/5/1993 tại UBND xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Hà Bắc. Sau khi kết hôn bà N về

sống cùng gia đình ông ở tổ dân phố 2, xã Nham Sơn, đến tháng 7/1993 bà N xin phép về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Cao Đồng 01 tuần để chăm chị gái là bà Vũ Thị H đẻ. Sau đó ông không thấy bà N quay về sống cùng ông, khi xuống gia đình bà N hỏi thì được biết bà N không về nhà. Ông và gia đình có đi tìm kiếm nhiều nơi, tìm kiếm bằng nhiều phương thức nhưng không có tin tức xác thực về việc bà N còn sống hay đã chết. Ông và bà N kết hôn và chung sống được thời gian ngắn thì bà N bỏ đi nên bà N không có công sức đóng góp trong việc phát triển tài sản chung của gia đình. Nay ông đề nghị Toà án tuyên bố bà Vũ Thi N bị mất tích từ năm 1993, mục đích làm căn cứ xác định rõ thông tin thực tế của bà N để bổ sung vào dữ liệu quản lý dân cư.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh phát biểu quan điểm tại phiên họp:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn M về việc yêu cầu tuyên bố bà Vũ Thị N, sinh năm 1969; nơi cứ trú cuối cùng: thôn C, xã Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) mất tích từ năm 1993.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí đăng, phát thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích: Ông Lê Văn M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị N đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ

luật Tố tụng dân sự, Toà án tiếp tục tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn M yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Vũ Thị N là vợ mất tích. Bà N có nơi cư trú cuối cùng tại thôn C, xã Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu của ông Lê Văn M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi, thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3] Về nội dung: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1969, nơi cư trú cuối cùng tại thôn C, xã Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Cao Đồng, xã Đồng Việt, tỉnh Bắc Ninh) là vợ của ông Lê Văn M. Tháng 7 năm 1993, bà N bỏ nhà đi. Từ khi bà N bỏ nhà đi đến nay, bà Nhi không liên lạc gì với gia đình. Ông M và gia đình đi nhiều nơi, tìm kiếm nhiều lần bằng nhiều phương thức khác nhau nhưng không có tin tức xác thực về việc bà N còn sống hay đã chết.

Sau khi thụ lý vụ việc, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh) đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm một người mất tích và Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm đối với bà Vũ Thị N. Thông báo đã được đăng trên Báo Công lý ba số liên tiếp 57, 58, 59 ra vào các ngày 16/7; 18/7 và ngày 23/7/2025; phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5) vào Buổi tin chính khung giờ 22h15 – 22h20 ngày 15/7/2025 và buổi phát lại khung giờ 10h15 – 10h20 các ngày 16/7/2025 và ngày 17/7/2025, thời lượng 60 giây; đăng tin Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Nội dung thông báo và việc công bố thông báo thực hiện theo đúng quy định tại Điều 384; Điều 385 và khoản 2 Điều 388 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, tính từ ngày đăng, phát thông báo đầu tiên là ngày 15/7/2025 đến ngày 15/11/2025 hết thời hạn 04 tháng nhưng vẫn không có tin tức gì của bà Vũ Thị N.

Xét thấy bà Vũ Thị N đã bỏ đi khỏi nơi cư trú biệt tích từ tháng 7/1993 đến nay là đã quá hai năm liền trở lên nhưng không có tin tức. Theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Dân sự thì: "*Khi một người biệt tích 02 năm liền trở lên, mặc dù đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc người đó còn sống hay đã chết thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án có thể tuyên bố người đó mất tích*". Do đó, ông Lê Văn M yêu cầu tuyên bố bà Vũ Thị N mất tích là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về chi phí đăng, phát thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích: Ông Lê Văn M phải chịu chi phí đăng, phát thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích theo quy định tại khoản 2 Điều 385 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lê Văn M đã nộp và chi phí xong.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê Văn M là người cao tuổi nên được miễn lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, các Điều 238, 367, 370, 371, 372, khoản 2 Điều 385; Điều 387 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn M về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với bà Vũ Thị N.

Tuyên bố: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1969; nơi cứ trú cuối cùng: thôn C, xã Đ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) mất tích từ tháng 7/1993.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Lê Văn M là người cao tuổi nên được miễn nộp lệ phí và lệ phí Tòa án.

3. Chi phí cho việc đăng, phát thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích: Ông Lê Văn M phải chịu 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí cho việc đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú. Xác nhận ông M đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSD tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Bắc Ninh;
- UBND xã Đồng Việt, Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Thuỷ